

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

(anh T và chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 18/2/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm sống, chị H muốn nắm quyền làm chủ gia đình, coi thường gia đình bên chồng, từ đó vợ chồng phát sinh tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn được tình cảm. Xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/01/2016. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Ngọc T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là chị Phạm Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn không có ý kiến và không có mặt để tham dự phiên tòa.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, anh T được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H và giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H. Chị H đang cư trú tại địa bàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ngọc H là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị H theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/9/2015, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị H bất đồng quan điểm sống, chị H có tính gia trưởng, coi thường gia đình bên chồng, từ đó vợ chồng phát sinh tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn với chị H, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được do

chị H vắng mặt. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/01/2016, anh T đồng ý giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, chị H có công việc ổn định và đủ điều kiện nuôi con (Theo biên bản xác minh ngày 08/4/2019). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16463 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên anh T đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- CCTHADS H. Cai Lậy;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Kim Loan